



Championship Rookie Classification

Cls.	Nº	Name	Net Pts.	Pts.	Paul Ricard		Pau		Hockenheim		SPA-Francorchamps		Hungaroring		Red Bull Ring		Silverstone		Barcelona		Monza	
					R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2
1	30	Liam Lawson	54	54	10	10	10		8	8	8											
2	14	Yuki Tsunoda	46	46	8	6		6	6	10	10											
3	7	Jack Doohan	39	39	3	3	3		10	4	6	10										
4	26	Linus Lundqvist	32	32	6	8	8		4			6										
5	11	Teppei Natori	26	26	4	4		4		3	3	8										
6	31	Billy Monger	19	19			6	10				3										
7	63	Nicolai Kjaergaard	17	17				8	3	6												
8	3	Pierre Louis Chovet	4	4								4										
9	1	Javier Gonzalez	4	4							4											
10	99	Rui Andrade	4	4			4															
11	28	Stefano Leaney	0	0																		
11	29	Stuart Wiltshire	0	0																		
11	66	Franco Colapinto	0	0																		
12	5	Dimitrios Tsimpris	0	0																		



Championship Teams' Classification

Cls.	Team	Pts.	Paul Ricard		Pau		Hockenheim		SPA-Francorchamps		Hungaroring		Red Bull Ring		Silverstone		Barcelona		Monza	
			R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2
1	Team Motopark	124	18	14	18	6	16	18	18	16										
2	Teo Martin Motorsport	40	6	14	4	4		4		8										
3	Double R	29	4	3	3		11		4	4										
4	Carlin Motorsport	21				18				3										
5	CF Racing	0																		
5	Drivex School	0																		
5	Fortec Motorsport	0																		
5	RP Motorsport	0																		
6	Tsimpris Motorsport	0																		



Drivers Statistics

Cls.	Nº	Name	Net Points	Points	First Positions	Seconds Positions	Thirds Positions	Race Fastest Laps	Pole Positions	Laps in first place	Km. covered in Race	Km. covered in Practice
1	33	Marino Sato	158	158	4	1	1	3	4	60	615.464	901.380
2	30	Liam Lawson	104	104	2		2		2	41	578.336	919.260
3	14	Yuki Tsunoda	98	98	1	2	1	2		19	603.176	887.792
4	8	Lukas Dunner	92	92		1	2	1	1	4	617.184	960.736
5	18	Julian Hanes	74	74		1	2		1	14	648.584	1003.832
6	7	Jack Doohan	52	52		1					662.384	1011.676
7	26	Linus Lundqvist	51	51				1			592.906	937.010
8	12	Christian Hahn	38	38							553.742	947.244
9	11	Tepppei Natori	34	34							643.064	996.310
10	31	Billy Monger	29	29	1					10	685.410	922.670
11	63	Nicolai Kjaergaard	28	28		1					673.216	969.290
12	77	Guilherme Samaia	26	26		1		1			623.206	957.646
13	20	Cameron Das	14	14							584.006	989.450
14	21	Calan Williams	12	12							613.650	1023.886
15	51	Aldo Festante	6	6							411.558	855.950
16	1	Javier Gonzalez	6	6							218.218	378.040
17	3	Pierre Louis Chovet	2	2							311.370	423.434
18	2	Artem Petrov	0	0							87.330	139.728
19	5	Dimitrios Tsimpris	0	0							186.304	110.618
20	66	Franco Colapinto	0	0							189.108	308.176
21	66	Petru Florescu	0	0							186.304	139.728
22	99	Rui Andrade	0	0							684.162	1002.198
23	28	Stefano Leaney	0	0							98.056	301.172
24	29	Stuart Wiltshire	0	0							189.108	308.176



Drivers Performance

Cls.	Nº	Name	Net Pts.	Pts.	Paul Ricard		Pau		Hockenheim		SPA-Francorchamps		Hungaroring		Red Bull Ring		Silverstone		Barcelona		Monza	
					R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2	R1	R2
1	33	Marino Sato	158	158	4 - 5	2 - 1	2 - 3	3 - 6	1 - 1	1 - 2	1 - 1	1 - 1										
2	30	Liam Lawson	104	104	3 - 1	1 - 4	1 - 1	4 - NC	3 - 3	3 - 5	8 - 3	5 - NC										
3	14	Yuki Tsunoda	98	98	2 - 2	3 - 6	5 - NC	2 - 3	4 - 4	2 - 1	2 - 2	2 - NC										
4	8	Lukas Dunner	92	92	1 - 3	6 - 3	4 - 4	8 - 4	9 - 7	5 - 4	4 - NC	4 - 2										
5	18	Julian Hanses	74	74	6 - 7	5 - 10	3 - 2	1 - NC	6 - 6	4 - 3	10 - 5	7 - 3										
6	7	Jack Doohan	52	52	12 - 9	11 - 9	12 - 12	12 - NC	2 - 2	7 - 7	3 - 4	3 - 4										
7	26	Linus Lundqvist	51	51	10 - 4	7 - 5	8 - 5	9 - NC	5 - 5	6 - NC	6 - 9	12 - 7										
8	12	Christian Hahn	38	38	9 - NC	8 - 7	7 - NC	5 - 5	7 - 8	9 - NP	5 - 6	8 - 5										
9	11	Teppei Natori	34	34	5 - 6	9 - 8	16 - NP	6 - 7	11 - 11	12 - 8	7 - 8	11 - 6										
10	31	Billy Monger	29	29	19 - 10	13 - 12	10 - 9	11 - 1	15 - 12	14 - 13	15 - 10	14 - 11										
11	63	Nicolai Kjaergaard	28	28	14 - 11	17 - 13	6 - NC	14 - 2	13 - 9	10 - 6	11 - 20	13 - 13										
12	77	Guilherme Samaia	26	26	8 - 8	4 - 2	9 - 10	10 - 9	14 - 14	13 - 11	13 - 11	19 - 17										
13	20	Cameron Das	14	14	11 - NP	15 - 15	13 - 6	7 - 8	10 - 10	11 - 10	14 - 19	10 - 18										
14	21	Calan Williams	12	12	15 - 12	16 - 16	14 - 7	13 - 11	12 - 15	15 - 9	12 - 12	6 - 8										
15	51	Aldo Festante	6	6	7 - NC	10 - 11	11 - 8	15 - 10	8 - NC	8 - NC	16 - 14	18 - 10										
16	1	Javier Gonzalez	6	6	16 - NC		NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	9 - 7	9 - 12										
17	3	Pierre Louis Chovet	2	2	18 - 14	18 - NC	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	17 - 13	15 - 9										
18	2	Artem Petrov	0	0	13 - NP	14 - 14	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP										
19	5	Dimitrios Tsimpris	0	0	21 - 16	20 - 17	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP										
20	66	Franco Colapinto	0	0	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	19 - 15	17 - 14										
21	66	Petru Florescu	0	0	17 - 13	12 - 18	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP										
22	99	Rui Andrade	0	0	20 - 15	19 - 19	15 - 11	16 - NC	16 - 13	16 - 12	18 - 17	16 - 15										
23	28	Stefano Leaney	0	0	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	20 - 16	20 - NC										
24	29	Stuart Wiltshire	0	0	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	NP - NP	21 - 18	21 - 16										